

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2840/BCT-XNK
V/v xét chọn "Doanh nghiệp
xuất khẩu uy tín" năm 2021

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2022

HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 104
Ngày 30 tháng 5 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Quốc phòng, Xây dựng, Y tế, Giao thông Vận tải;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Hiệp hội ngành hàng;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Năm 2021, dù tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động xuất khẩu Việt Nam vẫn đạt tăng trưởng ấn tượng so với năm 2020, kim ngạch xuất khẩu cả năm 2021 đạt 336,3 tỷ USD tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Đạt được kết quả này, bên cạnh sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt và linh hoạt của Chính phủ, các bộ ngành, địa phương, còn là sự nỗ lực và quyết tâm cao của cộng đồng doanh nghiệp.

Với mục tiêu ghi nhận đóng góp tích cực của các doanh nghiệp trong tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam, đồng thời góp phần giới thiệu, quảng bá các doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín của Việt Nam với đối tác nước ngoài, Bộ Công Thương triển khai tổ chức xét chọn "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2021", theo đó, đề nghị các Bộ, ngành, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố phối hợp triển khai Chương trình nêu trên, cụ thể như sau:

1. Thông báo về Chương trình xét chọn "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" năm 2021 đến các doanh nghiệp trực thuộc và hướng dẫn các doanh nghiệp kê khai Đơn đăng ký xét chọn theo quy định.

2. Triển khai việc xét chọn theo Quy chế xét chọn Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín ban hành kèm theo Quyết định số 911/QĐ-BCT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; phối hợp với cơ quan hải quan, thuế, môi trường để xác nhận tại thời điểm xét chọn doanh nghiệp không bị cưỡng chế ngừng làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa, không nợ đọng thuế, không vi phạm pháp luật về môi trường. Tiêu chí xét chọn về kim ngạch xuất khẩu tối thiểu đối với từng nhóm hàng, tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Phụ lục đính kèm văn bản này.

Kết quả xét chọn đề nghị gửi về Bộ Công Thương (thông qua Cục Xuất nhập khẩu) theo địa chỉ: số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội **muộn nhất là ngày 15 tháng 7 năm 2022**. Kết quả xét chọn bao gồm: (i) Công văn tổng hợp

danh sách các doanh nghiệp đạt tiêu chí của đơn vị xét chọn; (ii) Đơn đăng ký của doanh nghiệp có đóng dấu của đơn vị xét chọn kèm hồ sơ; (iii) Các giấy tờ xác nhận của cơ quan hải quan, thuế, môi trường và các tài liệu khác liên quan.

3. Nhập đầy đủ thông tin các doanh nghiệp được đề xuất xét chọn tại đường link <https://tinyurl.com/DNXKUT2021>.

Bộ Công Thương đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong công tác triển khai tổ chức xét chọn và tuyên truyền, quảng bá cho chương trình “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” của Bộ Công Thương trong suốt thời gian qua.

Bộ Công Thương hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan có liên quan trong tổ chức triển khai chương trình “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2021”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ (đề ph/h);
- Lưu: VT, XNK.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Khánh

PHỤ LỤC

Tiêu chí xét chọn về kim ngạch xuất khẩu tối thiểu năm 2021
(Kèm theo công văn số 2840/BCT-XNK ngày 26 tháng 5 năm 2022)

TT	Tên mặt hàng	Tiêu chí KNXK tối thiểu năm 2021 (USD)
1	Gạo	8,850,000
2	Cà phê	10,400,000
3	Cao su	7,200,000
4	Hạt tiêu	4,300,000
5	Hạt điều	9,150,000
6	Chè các loại	1,050,000
7	Rau, củ, quả và các sản phẩm từ rau, củ, quả	3,600,000
8	Sản phẩm thịt, sữa	1,300,000
9	Thủy sản	13,300,000
10	Sản phẩm gỗ	18,600,000
11	Dệt may	25,500,000
12	Giày dép	33,800,000
13	Thủ công mỹ nghệ	4,250,000
14	Bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	3,200,000
15	Sản phẩm chất dẻo	6,050,000
16	Giấy và sản phẩm từ giấy	4,400,000
17	Xơ, sợi dệt các loại	5,300,000
18	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	34,750,000
19	Dây điện và cáp điện	13,300,000
20	Vật liệu xây dựng (kim loại, sắt thép,...)	6,950,000
21	Sản phẩm cơ khí	7,500,000
22	Dược và thiết bị y tế	1,400,000
23	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	4,300,000
24	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	3,450,000
25	Điện thoại các loại và linh kiện	34,600,000
26	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	4,700,000
27	Các mặt hàng khác (trừ khoáng sản)	10,000,000